

Số: 53 /TCKH-TĐ

Kbang, ngày 12 tháng 4 năm 2018

V/v thẩm định phương án tự chủ
về tài chính của Trung tâm Văn
hóa TT&TTN huyện Kbang.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Kbang.

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Tờ trình số 01/TTr-TTVH-TT&TTN ngày 10/01/2018 của Trung tâm Văn hóa TT&TTN huyện Kbang V/v xin thẩm định phương án tự chủ về tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

Phòng Tài chính – KH thẩm định phương án tự chủ về tài chính và dự toán thu chi năm 2018 của Trung tâm Văn hóa TT&TTN huyện Kbang, như sau:

1. Mục tiêu:

- Đẩy mạnh việc sắp xếp, tinh gọn biên chế, nâng cao năng lực công tác của cán bộ để nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc của cơ quan, đảm bảo kết quả công tác cao hơn so với trước khi thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng kinh phí.

- Thông qua việc nâng cao hiệu xuất lao động, hiệu quả sử dụng kinh phí để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức một cách chính đáng, nhưng ngân sách huyện không phải bổ sung kinh phí cho đơn vị.

2. Nguyên tắc :

- Bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ được giao.

- Không vượt biên chế và tổng kinh phí được giao.

- Thực hiện đầy đủ nguyên tắc công khai, dân chủ và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ công chức và người lao động, không tự đặt ra các định mức cao hơn chế độ quy định.

3. Chức năng, nhiệm vụ:

Phát triển sự nghiệp văn hóa thể thao du lịch; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế.

4. Bộ máy tổ chức: Tổng số biên chế giao: 14 người

Biên chế có mặt: 14 người; Trong đó:

- Lãnh đạo: 01 người

- Bộ phận hành chính tổng hợp: 02 người

- Bộ phận thông tin lưu động: 05 người

- Bộ phận thể dục thể thao: 01 người

- Bộ phận thư viện, nhà truyền thông; nhà lưu niệm Anh Hùng Núp: 05 người

5. Nguồn thu:

Thu tiền cho thuê mặt bằng, hội trường, âm thanh, ánh sáng, xây dựng chương trình văn nghệ khi các đơn vị có yêu cầu....

Ngân sách nhà nước cấp bổ sung.

6. Dự toán thu chi năm 2018

a. Tổng thu:

2.082.000.000 đồng

a.1 Thu từ hoạt động kinh doanh:

120.000.000 đồng

a.2 Thu từ NSNN cấp bổ sung:

1.962.000.000 đồng

- Kinh phí tự chủ:

1.133.293.000 đồng

+ Sự nghiệp văn hóa:

1.075.293.000 đồng

+ Sự nghiệp thể dục thể thao:

58.000.000 đồng

- Kinh phí không tự chủ:

766.414.000 đồng

+ Sự nghiệp văn hóa:

516.414.000 đồng

+ Sự nghiệp thể dục thể thao:

250.000.000 đồng

- Kinh phí thực hiện CCTL:

62.293.000 đồng

+ Sự nghiệp văn hóa:

58.293.000 đồng

+ Sự nghiệp thể dục thể thao:

4.000.000 đồng

b. Tổng chi:

2.082.000.000 đồng

c. chênh lệch thu chi trích lập quỹ

0 đồng

(Chi tiết có phục lục kèm theo)

7. Về phân loại đơn vị sự nghiệp

Trung tâm Văn hóa TT&TTN huyện Kbang là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên năm 2018

8. Về công tác quản lý và định mức chi

- Trung tâm Văn hóa TT&TTN huyện Kbang chủ động xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, đảm bảo hoạt động thường xuyên và phù hợp với đặc thù của đơn vị, đồng thời chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả.

- Việc trích lập và sử dụng các Quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, Giám đốc Trung tâm Văn hóa TT&TTN huyện Kbang có trách nhiệm thống nhất với tổ chức Công đoàn về quản lý, sử dụng các quỹ: Quỹ Dự phòng ổn định thu nhập, Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi, Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp.

9. Đề xuất, kiến nghị

Sau khi Ủy ban nhân dân huyện quyết định giao tự chủ về tài chính cho Trung tâm Văn hóa TT&TTN huyện Kbang, đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy định.

Trung tâm Văn hóa TT&TTN huyện Kbang chịu trách nhiệm thực hiện phương án tài chính, sử dụng kinh phí công khai, đúng mục đích và thực hiện thanh, quyết toán theo chế độ quản lý tài chính hiện hành.

Kính trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét phê duyệt để đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trung tâm Văn hóa TT&TTN huyện Kbang;
- Phòng Nội vụ;
- Lưu: VT, NS

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Lương Văn Hòa

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 53 /TCKH-TĐ ngày 14 tháng 4 năm 2018 của phòng Tài chính - KH)

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Đơn vị lập	Tài chính thẩm tra	Chênh lệch	Ghi chú
A	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN			-	
I	Kinh phí giao thực hiện tự chủ			-	
1	Thu từ hoạt động kinh doanh	1.195.293	1.195.293	-	
2	Thu từ ngân sách nhà nước cấp bổ sung	120.000	120.000	-	
II	Phản chi	1.075.293	1.075.293	-	
1	Chi từ hoạt động kinh doanh	1.190.293	1.195.293	5.000	
1.1	Trích 40% thực hiện CCTL	120.000	120.000	-	
1.2	Chi nộp ngân sách nhà nước	31.874	34.807	2.933	
1.3	Chi thanh toán các nhân (HDLĐ)	7.500	7.500	-	
1.4	Chi hàng hóa, dịch vụ	35.139	35.139	-	Hợp đồng xin ý kiến UBND huyện
-	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	45.487	27.000	(18.487)	
-	Chi phí thuê mướn	19.600	15.000	(4.600)	
-	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	887	-	(887)	
-	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn ngành	8.000	5.000	(3.000)	
1.5	Kinh phí tham gia ngày hội du lịch Thành phố Hồ Chí Minh	17.000	7.000	(10.000)	
2	Chi từ ngân sách nhà nước cấp bổ sung		15.554		
1.1	Chi thanh toán các nhân	1.070.293	1.075.293	5.000	
-	Lương+phụ cấp+các khoản đóng góp	841.786	841.786	-	
1.2	Chi phúc lợi tập thể	841.786	841.786	-	
1.3	Chi hàng hóa dịch vụ	2.897	2.897	-	
-	Thanh toán dịch vụ công cộng	128.700	112.654	(16.046)	
-	Vật tư văn phòng	26.400	26.400	-	
-	Thông tin tuyên truyền liên lạc	20.000	20.000	-	
-	Công tác phí	7.500	7.500	-	
-	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	22.000	16.754	(5.246)	
-		18.000	18.000	-	

Stt	Nội dung	Đơn vị lập	Tài chính thẩm tra	Chênh lệch	Ghi chú
-	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn ngành	34.800	24.000	(10.800)	
+	Mua vật tư hàng hóa	10.000	5.000	(5.000)	
+	In bạt truyền truyền ngày lễ lớn trong năm	10.000	5.000	(5.000)	
+	Bồi dưỡng truyền truyền viên	10.800	10.000	(800)	
+	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng	2.000	2.000	-	
+	Sách, tài liệu, dùng công tác chuyên môn	2.000	2.000	-	
1.4	Chi khác (phí VSMT, bảo hiểm tài sản, lệ phí đường bộ, hỗ trợ chi bộ...)	27.500	27.500	-	
1.5	Chi phục vụ công tác hoạt động truyền truyền trong năm	69.410	90.456	21.046	
-	Kinh phí tổ chức lễ hội giao thừa năm 2018	43.200	43.200	-	
-	Kinh phí tổ chức hội thi kể chuyện theo sách	14.790	14.790	-	
-	Kinh phí tham gia thi đàn hát dân ca tỉnh	11.420	11.420	-	
-	Kinh phí tham gia ngày hội du lịch Thành phố Hồ Chí Minh	-	21.046		
3	Chênh lệch thu chi trích lập quỹ	5.000	-	(5.000)	
B	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			-	
I	Phần thu	574.707	574.707	-	
1	Chi quản lý tôn tạo các di tích lịch sử	83.414	83.414	-	
2	Xây dựng hàng rào vườn mít cánh đồng cô hầu	300.000	300.000	-	
3	Chi công tác bảo tồn phát triển văn hóa phi vật thể công trình Tây nguyên	133.000	133.000	-	
4	Kinh phí thực hiện CCTL	58.293	58.293	-	
II	Phần chi	574.707	574.707	-	
II.1	Chi quản lý tôn tạo các di tích lịch sử	83.414	83.414	-	
1	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	7.800	7.800	-	
2	Chi thuê mướn trông coi 02 di tích tại xã Krong, Nghĩa An (1 trđ/tháng)	24.000	24.000	-	
3	Sửa chữa tài sản phục vụ chuyên môn	45.000	45.000	-	
-	Đào ao	30.000	30.000	-	
-	Làm mái che phục vụ ẩm thực tại làng kháng chiến	15.000	15.000	-	

Stt	Nội dung	Đơn vị lập	Tài chính thẩm tra	Chênh lệch	Ghi chú
4	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn (mua 02 tủ trưng bày hiện vật nhà LNAHN, nhang đèn, trái cây cúng...)	6.614	6.614	-	
II.2	Chi công tác bảo tồn phát triển văn hóa phi vật thể công trình Tây nguyên (thực hiện theo QĐ 903/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND huyện)	133.000	133.000	-	
1	Xây dựng nội dung, in sang băng đĩa nhạc, địa hình, tổ chức hoạt động tuyên truyền trực quan	28.000	28.000	-	
2	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về bảo tồn di sản văn hóa công trình	20.000	20.000	-	
3	Mở lớp dạy đánh chiêng chỉnh chiêng	20.000	20.000	-	
4	Liên hoan các đội công trình thanh thiếu niên cấp huyện và hội thi đan lát tác tượng dệt thổ cẩm	45.000	45.000	-	
5	Hỗ trợ gia đình còn lưu giữ và tiếp tục bảo tồn các bộ công trình quý	20.000	20.000	-	
II.3	Xây dựng hàng rào vườn mít cánh đồng cô hầu	300.000	300.000	-	
II.4	Kinh phí thực hiện CCTL	58.293	58.293		
	SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO				
A	Kinh phí giao thực hiện tự chủ			-	
I	Phần thu	58.000	58.000	-	
I	Quỹ lương	58.000	58.000	-	
II	Phần chi	58.000	58.000		
1	Chi từ ngân sách nhà nước cấp bổ sung	58.000	58.000		
1.1	Chi thanh toán cá nhân	58.000	58.000		
-	Lương+phụ cấp+các khoản đóng góp	58.000	58.000	-	
B	Kinh phí không thực hiện tự chủ				
I	Phần thu	254.000	254.000		
1	Kinh phí thực hiện hoạt động thể dục thể thao cấp huyện, tham gia tỉnh; duy tu sửa chữa công trình thể thao cấp huyện....	250.000	250.000		

Stt	Nội dung	Đơn vị lập	Tài chính thẩm tra	Chênh lệch	Ghi chú
2	Kinh phí thực hiện CCTL	4.000	4.000		
II	Phần chi	254.000	254.000		
1	Chi hàng hoá dịch vụ	20.000	20.000		
-	Công tác phí	20.000	20.000		
2	Chi tổ chức hoạt động TDTT tại huyện	79.635	79.635		
-	Tổ chức giải bóng chuyền nam mở rộng	13.650	13.650		
-	Tổ chức giải bóng đá thiếu niên	11.325	11.325		
-	Tổ chức hội thi văn hóa thể thao Dân tộc thiểu số (gồm các môn: bóng chuyền, kéo co, bắn nỏ, đẩy gậy)	25.790	25.790		
-	Tổ chức giải viết dã truyền thống huyện	28.870	28.870		
3	Tham gia các giải tại tỉnh	150.365	150.365		
-	Hội thi thể thao dân tộc thiểu số tại tỉnh (03 môn, 12 VĐV)	15.140	15.140		
-	Tham gia giải viết giả tỉnh	10.900	10.900		
-	Tham gia đại hội thể dục thể thao tỉnh Gia Lai	124.325	124.325		
4	Kinh phí thực hiện CCTL	4.000	4.000		